TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 4
PHIẾU SỐ 7

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Làm tròn số 25 342 265 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 25 340 000 **B.** 25 300 000 **C.** 25 400 000 **D.** 25 000 000

Câu 2. Số chẵn bé nhất có 6 chữ số khác nhau là:

A. 102 345 **B.** 100 000 **C.** 102 346 **D.** 102 348

Câu 3. Phúc mua 4 quyển truyện, mỗi quyển giá 15 000 đồng và 2 cái bút, mỗi cái giá 3500 đồng. Phúc đưa cô bán hàng 500 000 đồng. Cô bán hàng trả lại Phúc:

A. 433 000 đồng **B.** 436 500 đồng **C.** 440 000 đồng **D.** 67 000 đồng

Câu 4. Biểu thức nào có giá trị bằng (750 + 146) + 696?

A. (750 − 146) + 696 **B.** 750 + (146 + 696)

C. (750 + 146) × 696 **D.** 750 + 146 − 696

Câu 5. 2000 kg = …… tấn

A. 2 **B.** 20 **C.** 200 **D.** 3

Câu 6. Góc bẹt được chia thành hai góc, một góc có số đo 30°. Góc còn lại có số đo là:

A. 330° **B.** 30° **C.** 150° **D.** 60°

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho dãy số: 26, 32, 38, 44, ……, 194. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Dãy có …… số

b) Số thứ 10 của dãy là: ……

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 9657 + 187 + 813 = ……

b) 5057 + 1423 − 57 = ……

c) 856 + 3861 + 44 = ……

Bài 3. Tính giá trị của biểu thức:

a) a + b × 4 với a = 7404, b = 708: ……

b) m − n + p với m = 26 181, n = 11 132, p = 3637: ……

c) (x + 3926) × 2 với x = 300: ……

Bài 4. Hình chữ nhật ABCD có chiều dài 35 cm, chiều rộng 5 cm. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số cặp cạnh song song: …….

b) Số cặp cạnh vuông góc: …….

c) Diện tích hình chữ nhật: ……. cm^2

Bài 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 1 phút = 100 giây	
b) Số 949 157 là số chẵn	
c) Số 6 869 374 là số chẵn	
d) Năm 1528 thuộc thế kỉ XV	

Bài 6. Hai thùng có tất cả 102 l dầu. Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai 32 l. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

a) Thùng thứ nhất: ……. l

b) Thùng thứ hai: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 4 · Phiếu số 7

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	B	A	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) (194 − 26) : 6 + 1 = 29 (số)

b) 26 + (10 − 1) × 6 = 80

Bài 2.

a) 9657 + (187 + 813) = 9657 + 1 000 = 10 657

b) (5057 − 57) + 1423 = 5000 + 1423 = 6423

c) (856 + 44) + 3861 = 900 + 3861 = 4761

Bài 3.

a) 7404 + 708 × 4 = 7404 + 2832 = 10 236

b) 26 181 − 11 132 + 3637 = 15 049 + 3637 = 18 686

c) (300 + 3926) × 2 = 4226 × 2 = 8452

Bài 4.

a) AB // DC, AD // BC: 2 cặp

b) Bốn góc vuông: 4 cặp cạnh vuông góc

c) 35 × 5 = 175 (cm²)

Bài 5.

a) S; b) S; c) Đ; d) S

Bài 6.

Thùng thứ nhất: (102 + 32) : 2 = 67 (l)

Thùng thứ hai: 67 − 32 = 35 (l)